

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1040/2023/HC-PT

Ngày: 11 - 12 - 2023

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính và yêu cầu bồi
thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trí Tuấn

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 523/2023/TLPT-HC ngày 07 tháng 8 năm 2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1957/2023/QĐ-PT ngày 21 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Công ty TNHH Một thành viên M; địa chỉ: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đỗ Hoài Phương M, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Huy T. (có mặt)

- Người bị kiện:

1/. Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường C, phường C1, thành phố Th, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Văn Ch, chức vụ: Phó Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện (Theo Văn

bản ủy quyền số 172/GUQ-CAT-PV1 ngày 28/4/2021). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2/. Trưởng Công an huyện B; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

3/. Công an huyện B; địa chỉ: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện Công an huyện B, Trưởng Công an huyện B: Ông Hồ Hoàng Thanh, chức vụ: Phó Trưởng Công an huyện B, là người đại diện theo ủy quyền (Theo Văn bản ủy quyền số 02/GUQ-CAH-TH ngày 26/4/2021). (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Nguyễn Thị Xuân Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 3, khu phố 5, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

2/. Ông Đoàn Hồng X, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ 1, ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

3/. Ông Lê Công T, sinh năm 1960; địa chỉ: Số 63 ấp X, xã T1, huyện B1, huyện B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

4/. UBND huyện B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T2, huyện B, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

5/. Công ty TNHH T; địa chỉ: Đại lộ B, khu phố 2, phường H, thành phố Th, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

6/. Ông Huỳnh Ngọc V, sinh năm 1973; địa chỉ: đường Đ, Phường 9, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Công ty TNHH MTV M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện Công ty TNHH MTV M trình bày:

Vợ chồng ông Huỳnh Văn B, bà Nguyễn Thị Xuân Th sử dụng khoảng 15.500m² đất tại ấp 4 (nay là ấp X) xã T1, huyện B. Nguồn gốc phần đất này do cha mẹ của ông B sử dụng từ trước năm 1975. Từ năm 1976, cha mẹ ông Huỳnh Văn B giao lại cho vợ chồng ông quản lý, sử dụng cho đến nay. Đến năm 2020, ông B chết.

Ông Đoàn Hồng X sử dụng khoảng 20.000m² đất tại ấp 4 (nay là ấp X) xã T1, huyện B. Nguồn gốc đất là do cha mẹ ông Đoàn Hồng X sử dụng từ trước năm 1975. Từ năm 1976, cha mẹ ông X và ông X quản lý, sử dụng cho đến nay.

Cả 02 phần đất của 02 gia đình trên hiện nay thuộc thửa đất số 212 tờ bản đồ số 08 xã T1, huyện B, các thửa đất này đều chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chưa thực hiện bồi thường cho gia đình ông B và gia đình ông X theo quy định.

Khi 02 gia đình trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì họ vẫn có 06 quyền chung còn lại theo quy định của Luật Đất đai trong đó có quyền cải tạo, bồi bổ đất nông nghiệp. Phần đất này cũng không phải là “*khu vực khoáng sản*” vì chưa được điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản và cũng chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố theo quy định tại Điều 26 Luật Khoáng sản. Xét cả về góc độ pháp lý và thực tế thì phần đất trên vẫn là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm.

Do thửa đất có địa hình cao và không bằng phẳng nên khó khăn trong việc sử dụng đất, cây trồng luôn trong tình trạng khô hạn, việc canh tác, sử dụng đất không hiệu quả nên cả 02 gia đình có nhu cầu cải tạo diện tích đất trên, hạn chế việc khô hạn của phần đất này.

Vì vậy, Công ty TNHH MTV M (sau đây gọi tắt là Công ty M) đã thực hiện theo nguyện vọng của cả 02 gia đình, theo đó phải vận chuyển đất dư ra khỏi diện tích đất trên trong quá trình thi công cải tạo đất.

Do ban ngày lượng người tham gia giao thông đông và thời tiết nắng nóng nên để bảo đảm sức khỏe cho công nhân, Công ty M tiến hành cải tạo đất vào ban đêm. Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 13/8/2020, khi các công nhân của Công ty M đang thực hiện việc cải tạo đất thì bị một nhóm khoảng 20 người (mặc sắc phục màu xanh của công an và dân sự) xông vào ngăn cản việc cải tạo đất, thu giữ 04 xe tải ben và 01 xe máy đào. Khi nhận được tin báo thì khoảng 02 giờ 39 phút cùng ngày, ông Đỗ Hoài Phương M là Giám đốc Công ty M đã kịp thời có mặt và đề nghị gặp trưởng đoàn hoặc người chịu trách nhiệm trong nhóm 20 người đó để làm việc trực tiếp cũng như yêu cầu được biết cơ sở pháp lý của việc đột nhập và ngăn cản Công ty M cải tạo đất nhưng không được thực hiện.

Khoảng 05 ngày sau khi bị thu giữ phương tiện thì Công ty M được Công an huyện B giao cho 03 Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (*các Quyết định số 47/QĐ-TGTVPTGPCC, 48/QĐ-TGTVPTGPCC, 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020*) của Công an huyện B. Khi Công ty M yêu cầu giải thích lý do vì sao Công an huyện B ngăn cản việc cải tạo đất, thu giữ 04 xe tải ben và 01 xe máy đào thì Trưởng Công an huyện B đã trả lời tại Biên bản đối thoại ngày 08/10/2020: Việc kiểm tra vào sáng ngày 03/8/2020 là do nhận được “Đơn tố giác tội phạm của Công ty TNHH T” về khai thác khoáng sản trái phép.

Mặc dù đất vẫn do 02 gia đình nêu trên và cả ông Lê Công T đã và đang sử dụng và chưa có quyết định thu hồi đất, tuy nhiên ngày 31/01/1997, UBND huyện T lại ban hành Quyết định số 117/QĐ-UB giao 121.620m² đất cho bà Huỳnh Thị Thanh K trú tại phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong diện tích 121.620m² đất này bao gồm cả 02 phần đất do 03 gia đình vẫn đang sử dụng.

Ngày 27/12/2004, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2682/2004/QĐ-UB thu hồi 121.620m² đất nêu trên vì bà Huỳnh Thị Thanh K vi phạm Điều 38 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 02/6/2005, UBND huyện T lại tiếp tục ban hành Quyết định số

896/2004/QĐ-UB giao 121.941m² đất cho ông Huỳnh Ngọc V (trú tại ấp 3 xã P, huyện C, tỉnh Long An). Trong diện tích 121.941m² đất này bao gồm cả phần đất do 03 gia đình trên vẫn đang sử dụng.

Đến ngày 26/9/2005, UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00085 đối với diện tích 121.941m² cho ông Huỳnh Ngọc V là trái quy định pháp luật.

Cho rằng việc tạm giữ phương tiện, giấy phép của Công an huyện B là không đúng quy định pháp luật, gây thiệt hại cho Công ty M; việc giải quyết khiếu nại của Trưởng Công an huyện B và Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương không được thoả đáng nên Công ty Minh khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy Quyết định số 36/QĐ-CAT-PC05 ngày 24/12/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại (lần hai);

2. Tuyên bố hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương đối với đơn khiếu nại (lần 2) của Công ty TNHH Một thành viên M là trái pháp luật;

3. Hủy Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 của Công an huyện B.

4. Tuyên bố hành vi tạm giữ xe cần cẩu (còn gọi là máy đào) bánh xích của Công an huyện B ngày 13/8/2020 là trái pháp luật.

5. Hủy Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH ngày 08/10/2020 của Trưởng Công an huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

6. Hủy Văn bản số 1178/CAH ngày 12/11/2020 của Công an huyện B về việc trả lời đơn của Công ty TNHH MTV M.

7. Buộc Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương và Công an huyện B liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV M do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra với số tiền (tạm tính): 630.000.000 đồng.

** Tại Văn bản số 76/CAT-PC05 ngày 26/4/2021, người đại diện hợp pháp của người bị kiện Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương trình bày:*

1. Khiếu nại các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 là không có căn cứ, không đúng trình tự, thủ tục của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

1.1 Kết quả xác minh

a. Về nội dung khiếu nại chưa có Biên bản vi phạm hành chính đã tạm giữ phương tiện, việc tạm giữ là chưa đúng quy trình xử lý vi phạm hành chính.

Theo nội dung biên bản kiểm tra điểm khai thác khoáng sản trái phép tại ấp X, xã T1, huyện B (Theo Kế hoạch phối hợp số 188/KH ngày 30/7/2020 của Công

an huyện B, Công an thị xã T và Phòng Cảnh sát Môi trường Công an tỉnh Bình Dương) ngày 13/8/2020 thể hiện: Việc các đối tượng khai thác, vận chuyển khoáng sản không có giấy phép, bỏ trốn không chấp hành kiểm tra, làm việc của người thi hành công vụ, có dấu hiệu của hành vi khai thác khoáng sản không đúng quy định (Nghị định số 36/2020/NĐCP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản) nên việc tạm giữ tang vật, phương tiện theo thủ tục hành chính để tránh trường hợp tang vật, phương tiện bị tẩu tán, tiêu hủy, đồng thời để xác minh tình tiết ra quyết định xử phạt là cần thiết và được pháp luật cho phép (theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính).

Việc người khiếu nại nhận định theo quy trình xử lý vi phạm hành chính, phải lập biên bản vi phạm hành chính mới tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là không đúng, vì vụ việc được phát hiện quả tang, chưa xác định được cụ thể người vi phạm, tính chất, mức độ vi phạm nên chưa lập Biên bản vi phạm hành chính nhưng việc tạm giữ tang vật, phương tiện là cần thiết (theo các quy định nêu trên).

b. Về nội dung khiếu nại các biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện theo thủ tục hành chính số 47, 48, 49 không có căn cứ (không ghi căn cứ trong biên bản vi phạm hành chính);

Theo tình tiết vụ việc, việc tạm giữ tang vật, phương tiện là có căn cứ theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, tại các Quyết định tạm giữ ghi căn cứ để tạm giữ theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính “để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt” chưa phù hợp với tình tiết của vụ việc vi phạm và quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện sau đó (vụ việc chưa được lập biên bản vi phạm hành chính) nên nội dung khiếu nại có phần đúng.

c. Về nội dung khiếu nại lý do tạm giữ trong các quyết định tạm giữ có các nội dung không đúng.

Các quyết định tạm giữ ghi căn cứ để tạm giữ “để đảm bảo thi hành quyết định xử phạt”; các quyết định kéo dài thời gian tạm giữ ghi căn cứ để tiếp tục tạm giữ “để điều tra, xác minh làm rõ hành vi vi phạm”; các quyết định trả tang vật, phương tiện ghi căn cứ để trả là “không cần thiết vì hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội”. Như vậy, việc tạm giữ cùng 01 tang vật, phương tiện trong 01 vụ việc nhưng căn cứ tạm giữ ghi trong các quyết định không thống nhất với nhau nên nội dung khiếu nại có phần đúng.

d. Về yêu cầu Giám đốc Công an tỉnh hủy các quyết định tạm giữ của Công an huyện B

Các quyết định tạm giữ số 47, 48, 49 của Công an huyện B có nội dung không đúng quy định pháp luật (căn cứ tạm giữ không phù hợp với tình tiết vụ việc, căn cứ ra quyết định tạm giữ chưa đúng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính) nên yêu cầu hủy các quyết định tạm giữ có phần đúng. Tuy nhiên, nội dung sai sót nêu trên không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc, do đó, căn cứ

quy định tại Điều 6a Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, công an huyện B đã ban hành các quyết định sửa đổi Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện theo đúng quy định pháp luật.

e. Về nội dung khiếu nại Quyết định tạm giữ có tạm giữ tang vật là 10m³ đất và phương tiện nhưng Công an huyện B chỉ trả lại phương tiện mà không trả lại tang vật.

Theo hồ sơ vụ việc, ngày 12/9/2020, Công an huyện B chuyển xử lý vụ việc theo tin tố giác tội phạm và tiếp tục tạm giữ tang vật 10m³ đất để điều tra, xác minh (có ban hành quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu) nhưng không lập biên bản tạm giữ và không gửi quyết định tạm giữ cho Công ty M là không đúng quy định tại Mẫu số 125, 126 (ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách để điều tra hình sự) nên nội dung khiếu nại là đúng.

1.2. Nhận xét của Giám đốc Công an tỉnh:

Đối với nội dung khiếu nại tại các điểm b, c, d, e: Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 40 Luật Khiếu nại; điểm a khoản 1 Điều 29 và điểm a khoản 1 Điều 32 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, Giám đốc Công an tỉnh đã yêu cầu người bị khiếu nại (Công an huyện B) ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung các quyết định bị khiếu nại (quyết định số 47, 48, 49) theo đúng quy định; yêu cầu Công an huyện B khẩn trương gửi quyết định tạm giữ đồ vật, tài liệu đối với 10m³ đất để người bị tạm giữ biết, đồng thời lập biên bản tạm giữ bổ sung đối với việc tạm giữ này.

2. Khiếu nại Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH ngày 08/10/2020 của Trưởng Công an huyện B về việc giải quyết khiếu nại.

2.1 Kết quả xác minh

a. Kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Trưởng Công an huyện B.

Ngày 28//8/2020, Trưởng công an huyện B ban hành Thông báo số 79/TB-CAH (ĐTTH) về việc thụ lý giải quyết đơn của Công ty M kể từ ngày 31/8/2020. Ngày 11/9/2020, Tổ xác minh công an huyện báo cáo kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại gửi Trưởng Công an huyện, kết luận:

“Việc tham mưu lãnh đạo Công an huyện ban hành các quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 47, 48, 49/QĐ-TGTVPTGDCC ngày 14/8/2020 là do sai sót của cán bộ ghi hồ sơ.

Nội dung các quyết định ghi thiếu căn cứ “biên bản vi phạm hành chính” là phù hợp và đúng pháp luật vì liên quan đến vụ án “chống người thi hành công vụ” và vụ việc khai thác khoáng sản trái phép có tính chất phức tạp, cần phải tiếp tục xác minh.

Vụ việc kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường vào lúc 02 giờ ngày 13/8/2020 và gia hạn thời gian xác minh là

đúng theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính”.

Ngày 08/10/2020, Trưởng Công an huyện B đã tiến hành đối thoại với Công ty M, đồng thời ban hành Quyết định 129 về việc giải quyết khiếu nại, kết luận: khiếu nại của Công ty M là đúng một phần và đình chính ngày ban hành các quyết định số 47, 48, 49 ngày 14/8/2020 thành ngày 13/8/2020.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại của Trưởng Công an huyện B, Công ty M gửi đơn khiếu nại lần 2 đến Giám đốc Công an tỉnh.

b) Kết quả xác minh nội dung đơn khiếu nại:

Về thủ tục: Công an huyện B cơ bản đảm bảo đầy đủ các thủ tục về giải quyết khiếu nại, áp dụng đúng biểu mẫu theo Thông tư số 54/2017/TT-BCA của Bộ trưởng Bộ Công an. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế, thiếu sót như: Nội dung ghi trong biểu mẫu áp dụng không viện dẫn căn cứ quy định pháp luật về khiếu nại; Thông báo về việc đối thoại và biên bản đối thoại chưa đúng theo mẫu; báo cáo kết quả xác minh và quyết định giải quyết khiếu nại chưa đảm bảo về nội dung.

Về quy trình: Không làm việc với người khiếu nại để xác định người khiếu nại, nội dung khiếu nại, các căn cứ khiếu nại và yêu cầu của người khiếu nại, cung cấp các tài liệu, chứng cứ liên quan nội dung khiếu nại theo Điều 10 Thông tư số 11/2015/TT-BCA ngày 02/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình giải quyết khiếu nại trong Công an nhân dân. Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại chưa đảm bảo về nội dung khiếu nại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại, kết luận nội dung khiếu nại và đề xuất hướng giải quyết khiếu nại dẫn đến việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) chưa đầy đủ (đúng một phần nhưng không rõ phần nào).

Thời hạn giải quyết khiếu nại (lần đầu) đúng quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại.

2.2 Nhận xét và kết luận:

Khiếu nại của Công ty M là đúng một phần, cụ thể: Trưởng Công an huyện B giải quyết khiếu nại nhưng thiếu sót về thủ tục, quy trình dẫn đến kết luận nội dung khiếu nại không cụ thể, rõ ràng. Trách nhiệm thiếu sót là của Trưởng Công an huyện và cá nhân tham mưu xác minh, giải quyết khiếu nại lần đầu.

3. Việc Công ty M cho rằng quyền sử dụng đất tại vị trí Công an huyện B lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện là của hộ gia đình ông Huỳnh Văn B, ông Đoàn Hồng X và các hộ này ủy quyền cho Công ty M cải tạo mặt bằng là đúng quy định pháp luật.

Qua xác minh tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương cho thấy vị trí đất Công an huyện B lập biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp quyền sử dụng đất hợp pháp cho Công ty T từ ngày 01/10/2010.

Theo quy định tại Điều 9, 170 Luật Đất đai năm 2013 thì việc cải tạo đất được Nhà nước khuyến khích. Việc khai hoang, phục hóa, san lấp, cải tạo được

Nhà nước khuyến khích người dân thực hiện. Tuy nhiên, việc sử dụng phương tiện, máy móc để san lấp diện tích đất có độ cao hơn mặt bằng xung quanh để đưa vào sử dụng mục đích nông nghiệp có hiệu quả thì cũng cần có sự phù hợp với chính sách, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương. Do vậy, cá nhân, tổ chức khi thực hiện cải tạo đất phải liên hệ trực tiếp với UBND xã, phường để xác định, ngoài ra, việc sử dụng đất cũng cần đảm bảo điều kiện theo quy định.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Khoáng sản năm 2010 quy định: *“Tổ chức, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất đang sử dụng; không được tự ý khai thác khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 của Luật này.”*

Từ căn cứ nêu trên cho thấy, ông Huỳnh Văn B và ông Đoàn Hồng X không phải là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất, không thuộc trường hợp không phải đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhưng lại ủy quyền cho Công ty M khai thác và tận thu khoáng sản là không đúng quy định pháp luật.

4. Nhận xét:

Nội dung khiếu nại của Công ty M là đúng một phần, cụ thể:

Các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề số 47, 48, 49/QĐ-TGTVPTGPCC ghi căn cứ tạm giữ không đúng với tình tiết vụ việc và quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính; các quyết định trả lại tang vật, phương tiện ghi căn cứ trả là *“không cần thiết vì hành vi vi phạm không còn gây nguy hiểm cho xã hội”* là không đúng với căn cứ tạm giữ trước đó.

Việc giải quyết khiếu nại của Trưởng Công an huyện B còn thiếu về thủ tục, quy trình, kết luận nội dung khiếu nại không cụ thể, rõ ràng.

Các hộ ông Huỳnh Văn Bộ và ông Đoàn Hồng X không phải là chủ sử dụng hợp pháp của thửa đất, không thuộc trường hợp không phải xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhưng ủy quyền cho Công ty M thực hiện việc khai thác và tận thu khoáng sản là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty M là không có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Tại văn bản trình bày ý kiến, quá trình tố tụng, người bị kiện Công an huyện B và Trưởng Công an huyện B trình bày:*

1. Về việc Công an huyện B ban hành các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 và số 45/QĐ-TGTVPTGPCC cùng ngày đối với xe cần cẩu (gọi là máy đào) theo nội dung khởi kiện.

1.1. Căn cứ ban hành các quyết định tạm giữ

- Khoảng 02 giờ 00 ngày 13/8/2020, thực hiện Kế hoạch số 06/KH-CAH-TH ngày 11/6/2020 của Công an huyện B về việc mở đợt cao điểm phối hợp tuần tra kiểm soát đảm bảo trật tự an toàn xã hội và phòng chống tội phạm trên tuyến,

địa bàn trọng điểm, Tổ tuần tra – Công an huyện phát hiện một số đối tượng đang thực hiện hoạt động khai thác, vận chuyển khoáng sản (đất tầng phủ) tại địa điểm thuộc khu vực giáp ranh giữa khu phố 5, phường U, thị xã T và ấp X, xã T1, huyện B nên tiến hành kiểm tra có dấu hiệu khai thác, vận chuyển khoáng sản trái phép nên tiến hành kiểm tra.

- Trước đó, ngày 30/7/2020, Công an huyện B, Công an thị xã T và Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Bình Dương đã ban hành Kế hoạch số 188/KH về việc phối hợp kiểm tra điểm khai thác khoáng sản trái phép tại khu vực giáp ranh Cụm công nghiệp T1. Do đó, khi phát hiện hành vi khai thác khoáng sản nêu trên, Công an huyện đã nhanh chóng phối hợp các đơn vị có liên quan lập Đoàn kiểm tra gồm: Phòng Cảnh sát môi trường, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B, UBND xã T1 và Công an xã T1 tiến hành kiểm tra địa điểm khai thác khoáng sản nêu trên.

- Kết quả kiểm tra ghi nhận: Tại địa điểm khai thác có 01 xe máy đào bánh xích, hiệu Hyundai, màu vàng, có ký hiệu rolex 2900lc-3 do người đàn ông tên Thanh (chưa xác định được lai lịch) điều khiển, cuốc đất (đất tầng phủ) lên xe tải biển kiểm soát 61C-192.17 do ông Kim T, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú: ấp Ch, xã H, huyện Tr, tỉnh Trà Vinh, tạm trú: khu phố 6, phường U, thị xã T điều khiển; xe tải biển kiểm soát 61H-6524 do Đoàn Lê Thanh T, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: ấp V, xã T1, huyện B điều khiển và xe tải biển kiểm soát 61C-179.15 do ông Lương Tấn T1, sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: ấp G, xã T1, huyện B điều khiển đang chờ lấy đất; xe tải biển kiểm soát 61C-151.56 do Nguyễn Văn T2, sinh năm: 1988, hộ khẩu thường trú: khu phố K, phường K1, thị xã T điều khiển đang vận chuyển 10m³ đất tầng phủ ra ngoài.

- Khi lực lượng tiến hành kiểm tra, bắt quả tang thì tài xế xe máy đào nhảy xuống xe bỏ trốn khỏi hiện trường; các đối tượng T, T1 và T2 điều khiển xe ô tô tải không chấp hành hiệu lệnh dừng xe, tông thẳng vào Tổ công tác của Công an huyện nhằm tẩu thoát. Trong đó, Đoàn Lê Thanh T điều khiển xe tải 61H – 6524 cán lên xe chuyên dụng biển kiểm soát 61B1-002.45 thuộc biên chế phương tiện của Công an huyện. Lực lượng tuần tra của Công an huyện đã khống chế bắt giữ các đối tượng và tạm giữ các phương tiện nêu trên.

- Kết quả làm việc với các tài xế xe tải nêu trên xác định: 04 xe ô tô nêu trên thuộc sở hữu của ông Đỗ Hoài Phương M, sinh năm: 1979, địa chỉ: Khu phố 7, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vị trí khai thác trên do ông M thuê ông Th điều khiển xe máy đào khai thác đất tầng phủ bỏ lên 04 xe ô tô tải nêu trên để vận chuyển đi đổ tại bến thủy nội địa của Công ty TNHH Vận tải TP, địa chỉ: Tổ 1, Khu phố 5, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương, sau đó xuất bán cho sà lan.

- Qua đối chiếu hồ sơ của các đơn vị phối hợp và tài liệu chính quyền địa phương cung cấp xác định vị trí khai thác khoáng sản nêu trên thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương do Công ty TNHH T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Công an huyện B đã phối hợp các đơn vị có liên quan lập Biên bản kiểm tra

về việc chấp hành pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với địa điểm khai thác khoáng sản tại khu vực ấp X, xã T1, huyện B. Đồng thời, Công an huyện B đã ra các quyết định tạm giữ đối với các phương tiện, tang vật có liên quan, trong đó có:

+ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 47/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 đối với xe ô tô tải biển số 621C-192.17.

+ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 48/QĐ-TGTVPTGPC ngày 13/8/2020 đối với ô tô tải biển số 61C-179.15.

+ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 đối với xe ô tô tải biển số 61C-151.56 và 10m² đất tầng phủ.

+ Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 đối với xe máy đào bánh xích hiệu Hyundai Rolex 2900LC-3.

- Việc Công an huyện B ra quyết định tạm giữ các phương tiện, tang vật nêu trên là cần thiết và có cơ sở pháp lý vì:

+ Tại thời điểm kiểm tra, các phương tiện nêu trên đang trực tiếp, tham gia thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản nên cần thiết phải tạm giữ để xác minh làm căn cứ ra quyết định xử phạt (có thuộc trường hợp phải tịch thu hay không tịch thu). Đồng thời, tại thời điểm kiểm tra, các đối tượng liên quan đã có hành vi chống người thi hành công vụ (đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với đối tượng Đoàn Lê Thanh T) nên cần thiết phải tạm giữ nếu không các tang vật, phương tiện này có thể bị tẩu tán, tiêu hủy.

+ Về mặt pháp lý, tại điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27/12/2019 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường có quy định: “*Căn cứ kết quả kiểm tra, tổ kiểm tra lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có), biên bản tạm giữ, tịch thu, tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính (nếu có)...*”.

+ Đồng thời, theo quy định tại Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính có quy định:

“1. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính chỉ được áp dụng trong trường hợp cần thiết sau đây:

a) Để xác minh tình tiết mà nếu không tạm giữ thì không có căn cứ ra quyết định xử phạt...;

4. Trong trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy thì thủ trưởng trực tiếp của chiến sĩ cảnh sát nhân dân,... đang thi hành công vụ phải tạm giữ ngay tang

vật, phương tiện vi phạm hành chính... ”.

- Khi ban hành các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45/QĐ-TGTVPTGPCC, 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 nêu trên, cán bộ thụ lý tham mưu giải quyết vụ việc có sai sót khi ghi lý do tạm giữ là “*đảm bảo thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”, nhưng không làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định.

Vấn đề này, Công an huyện B đã phát hiện và căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính để ban hành các Quyết định số 01/QĐ-SĐQĐTGTVPPTGPCC, số 02/QĐ-SĐQĐTGTVPPTGPCC, số 03/QĐ-SĐQĐTGTVPPTGPCC, số 04/QĐ-SĐQĐTGTVPPTGPCC ngày 06/01/2021 sửa đổi, bổ sung các quyết định nêu trên trước khi ban hành bản Kết luận xác minh nguồn tin về tội phạm số 01/KLXM ngày 12/01/2021 và lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 25/01/2021.

Như vậy, việc Công an huyện B ban hành các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 để tạm giữ các phương tiện có liên quan và Quyết định số 45/QĐ-TGTVPTGPCC cùng ngày 13/8/2020 để tạm giữ xe máy đào như nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

1.2. Kết quả điều tra, xử lý hành vi vi phạm của Công ty TNHH MTV M

a) Kết quả xác định vị trí, tình trạng pháp lý khu đất khai thác khoáng sản

Căn cứ, Biên bản kiểm tra về việc chấp hành các quy định pháp luật về tài nguyên và môi trường đối với địa điểm khai thác, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết quả khảo sát địa hình, xác định vị trí khai thác đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Qua xác minh tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác định: Thửa đất số 212, 213 tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T1, huyện B, ngày 26/9/2005 đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00085 cho ông Huỳnh Ngọc V, địa chỉ: ấp 3, P, C, Long An với diện tích 120.941m². Ngày 22/4/2007, UBND xã T1 có xác nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Huỳnh Ngọc V và Công ty TNHH T đối với 02 thửa đất trên.

b) Kết quả xác định số lượng, loại khoáng sản và giá trị khoáng sản đã khai thác

Theo đề nghị của Công an huyện B tại Văn bản số 843/CV-CAH ngày 13/8/2021 về việc trưng cầu đo đạc vị trí, diện tích, khối lượng khai thác khoáng sản; Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam có Báo cáo khảo sát ngày 03/9/2021 xác định:

- Tổng diện tích đo vẽ hiện trạng: 4.060,40m².
- Khối lượng đã khai thác: 5.576,37m³.

Trong đó:

- Diện tích trừ đất là: 949,06m².
- Khối lượng trừ đất là: 1.228,50m³, cụ thể như sau:
 - + Khối lượng khu 1: 303,89m³.
 - + Khối lượng khu 2: 239,02m³.
 - + Khối lượng khu 3: 608,00m³.
 - + Khối lượng khu 4: 77,58m³.

Theo Văn bản số 4337/STNMT-TNNKSKTTV ngày 02/10/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương thông báo kết quả trưng cầu giám định loại khoáng sản, xác định:

- Mẫu M3 - vị trí lấy mẫu 03-01 và Mẫu M4 - vị trí lấy mẫu 04-01 đạt tiêu chuẩn đất sét để sản xuất gạch, ngói nung theo TCVN 4353:1986.

- Mẫu M1 - vị trí lấy mẫu 01-01; Mẫu M2 - vị trí lấy mẫu 02-01; Mẫu M5 - vị trí lấy mẫu trên xe 61C-192.17 và Mẫu M6 - vị trí lấy mẫu trên xe 61C-151.56 không đạt tiêu chuẩn đất sét để sản xuất gạch, ngói nung theo TCVN 4353:1986 và cũng không đạt tiêu chuẩn cát làm cốt liệu cho bê tông, vữa theo TCVN 7570:2006. Vật liệu này có thể sử dụng làm vật liệu san lấp hoặc sàng rửa lấy cát với độ thu hồi thấp từ 15,5% đến 32,1%. (Các mẫu M1, M2, M3, M4 được lấy tại vị trí các khu vực trừ đất kiểm tra ngày 13/8/2020).

Kết quả định giá các tang vật, phương tiện vi phạm:

- Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 114/KLHD-ĐGTS ngày 07/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Bình Dương kết luận như sau:

+ Đất san lấp công trình có khối lượng 4.227,87m³ có tổng giá trị là 266.355.810 đồng;

+ Đất san lấp công trình có khối lượng 120m³ có tổng giá trị là 7.550.000 đồng;

+ Đất san lấp công trình có khối lượng 542,91m³ có tổng giá trị là 34.202.330 đồng;

+ Đất sét gạch có khối lượng 685,58m³ có tổng giá trị là 95.981.200 đồng.

- Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 110/KLHD-ĐGTS ngày 01/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản huyện B, tỉnh Bình Dương kết luận: Xe máy đào bánh xích hiệu Hyundai Rolex 2900LC-3, số khung E904HC11430, số máy D6AVW022719 có giá trị là: 547.425.000 đồng.

c) Kết quả xác minh phương tiện, lấy lời khai của những người có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản

- Qua làm việc với tài xế xe cần cẩu ông Nguyễn Thành Th khai nhận: Việc cuốc đất tại khu vực bị kiểm tra được Công ty TNHH MTV M thuê ông Th thực hiện từ tháng 5/2020 đến khi bị kiểm tra. Đối với khối lượng cụ thể thì ông Th không nhớ

do không ghi chép sổ sách, mỗi ngày khai thác được 30 xe ô tô tải ben loại 15 tấn (mỗi xe vận chuyển khoảng $10m^3$) vận chuyển ra ngoài nhưng không liên tục. Ông Th khai nhận các khối lượng đất trữ tại vị trí khai thác bị kiểm tra ngày 13/8/2020, do ông M trực tiếp chỉ đạo ông Th khai thác đất tại đây với mục đích vận chuyển ra ngoài bán. Ông Th biết vị trí khai thác khoáng sản không có giấy phép khai thác nhưng do làm thuê cho Công ty TNHH MTV M nên vẫn thực hiện việc khai thác đất.

- Qua làm việc với 04 tài xế xe ô tô tải ben đều làm thuê cho Công ty TNHH MTV M, cụ thể như sau: Ông Đoàn Lê Thanh T điều khiển xe thuê từ tháng 6/2019; ông Nguyễn Văn T2 điều khiển xe thuê từ đầu tháng 7/2020; ông Kim T điều khiển xe thuê từ đầu tháng 7/2020 và ông Lương Tấn T1 điều khiển xe thuê từ tháng 4/2020 đến tháng 6/2020 thì nghỉ làm, đến ngày 05/8/2020, ông T1 tiếp tục làm thuê cho Công ty TNHH MTV M. Cả 04 tài xế đều trình bày, việc khai thác, vận chuyển khoáng sản (đất san lấp) tại vị trí kiểm tra do Công ty TNHH MTV M chỉ đạo thực hiện từ tháng 7/2020 đến khi bị kiểm tra và chủ yếu thực hiện vào ban đêm. Khoáng sản sau khi khai thác được vận chuyển đến 02 bến thủy nội địa tại khu phố 5, phường U, thị xã T xuất bán cho sà lan (khoảng 200 xe) hoặc đổ san lấp mặt bằng tại phường K1 (khoảng 72 xe) và phường U, thị xã T (khoảng 200 xe). Quá trình xuất bán cho sà lan không được quản lý, theo dõi bằng sổ sách và không xác định được người mua nên các tài xế không xác định được khối lượng cụ thể. Vào ngày 13/8/2020, 04 tài xế điều khiển 04 xe ô tô tải ben của Công ty M vận chuyển khoáng sản do ông Nguyễn Thành Th khai thác tại ấp X, xã T1, huyện B đến bến thủy nội địa TP, địa chỉ: Khu phố 5, phường U, thị xã T thì bị phát hiện, kiểm tra.

- Qua làm việc với ông Đỗ Hoài Phương M là người đại diện theo pháp luật Công ty M xác định: Từ tháng 5/2019 được bà Nguyễn Thị Xuân Th, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: Tổ 3, khu 5, phường U, thị xã T và ông Đoàn Hồng X, sinh năm 1958; hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương thỏa thuận thực hiện cải tạo đất nông nghiệp trên diện tích khoảng $35.500m^2$ tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 08, xã T1, huyện B, phần đất dư ra từ quá trình cải tạo đất được bà Th và ông X cho ông M sử dụng, không phải trả tiền công cải tạo đất. Qua thỏa thuận Công ty M sử dụng phương tiện và nhân công của công ty tiến hành cải tạo đất, hạ thấp mặt bằng, còn phần đất dư ra được vận chuyển đến bến thủy nội địa Công ty TNHH MTV vận tải TP và Công ty TNHH TM DV vận tải thủy H cùng địa chỉ: khu phố 5, phường U, thị xã T để xuất bán cho sà lan (không xác định được số hiệu, người mua hàng). Ngoài ra, còn vận chuyển bán cho các hộ dân có nhu cầu san lấp mặt bằng (không xác định được địa chỉ). Đến ngày 13/8/2020, Công ty M giao nhiệm vụ cho ông Nguyễn Thành Th điều khiển xe máy đào bánh xích hiệu Hyundai Rolex 2900LC-3 cuốc đất tại thửa đất số 212, tờ bản đồ số 08 thuộc ấp X, xã T1, huyện B lên 04 xe ô tô tải ben mang biển số 61H-6524, 61C-179.15, 61C-192.17 và 61C-151.56 của Công ty M do ông Đoàn Lê Thanh T, ông Kim T, ông Lương Tấn T1 và ông Nguyễn Văn T2 điều khiển vận chuyển ra bến thủy nội địa của Công ty TNHH vận tải TP, địa chỉ: khu phố 5, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương bán cho sà lan (không rõ số hiệu sà lan, lai lịch của người mua) với giá 700.000 đồng/xe. Khi đã vận chuyển được 12 xe (tương đương khoảng $120m^3$) thì bị lực lượng Công an phát hiện, kiểm tra.

Ông Đỗ Hoài Phương M - Giám đốc Công ty M cho rằng việc cải tạo đất nông nghiệp được nhà nước cho phép, khuyến khích và không cần thiết phải xin chủ trương hay giấy phép. Qua làm việc, ông M cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký các xe ô tô tải ben và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty M nhưng không cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xe máy đào và giấy phép khai thác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ngoài những nội dung làm việc trên, ông Đỗ Hoài Phương M cho rằng việc chứng minh hành vi vi phạm là trách nhiệm của Cơ quan Công an nên không đồng ý làm việc và không có trách nhiệm cung cấp các nội dung khác có liên quan.

- Qua làm việc với bà Nguyễn Thị Xuân Th và ông Đoàn Hồng X xác định: Diện tích đất khoảng gần 1,6 ha và 22.200m² thuộc thửa đất số 212, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương do gia đình khai phá sử dụng sau đó giao cho ông Huỳnh Văn B (chồng bà Th) và ông X quản lý, sử dụng. Vào năm 2006, Công ty TNHH T đã hỗ trợ gia đình bà Th và ông X số tiền 70.000.000 đồng công khai phá trên diện tích đất này nhưng đến năm 2019, bà Th vẫn gửi đơn khiếu kiện tranh chấp đối với diện tích đất này. Đến nay, ông X và bà Th không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 5/2019, bà Th nhờ ông Đỗ Hoài Phương M cải tạo diện tích đất nêu trên, còn ông X cũng nhờ ông Đỗ Hoài Phương M cải tạo đất từ tháng 5/2020. Việc cải tạo đất và vận chuyển đất ra ngoài không có giấy phép hay được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Quá trình cải tạo đất, thì cho ông M không phải trả tiền cải tạo mặt bằng mà sử dụng phần đất dư vận chuyển ra ngoài. Ngoài ra, không có hoạt động thu lợi nào khác.

- Qua làm việc với Công ty TNHH T (chủ sở hữu quyền sử dụng đất hợp pháp) xác định: Vào năm 2010, Công ty TNHH T nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 212, tờ bản đồ số 08, xã T1, huyện B từ ông Huỳnh Ngọc V để thực hiện Cụm Công nghiệp T1 theo quy hoạch đã được phê duyệt. Công ty TNHH T là chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất 212 kể trên. Tuy nhiên, ngày 13/8/2020, Cơ quan Công an đã kiểm tra, xử lý đối tượng khai thác khoáng sản trên thửa đất số 212. Công ty TNHH T không có giấy phép khai thác cũng không thực hiện việc khai thác khoáng sản tại đây. Công ty xác định việc khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại đây do Đỗ Hoài Phương M là chủ đất liền kề thực hiện từ tháng 02/2019 đến nay. Công ty đã tiến hành ngăn chặn nhiều lần nhưng đều bị các đối tượng chống đối.

- Đối với xe máy đào bánh xích hiệu Hyundai Rolex 2900LC-3, số khung E904HC11430, số máy D6AVW022719, do Công ty M mà đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Hoài Phương M không cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xe. Do đó, Công an huyện B đã có Văn bản số 370/CQĐT ngày 01/12/2020 về việc thông báo truy tìm chủ sở hữu và cho đến khi kết luận xử lý, không có cá nhân, tổ chức nào xác nhận là chủ sở hữu phương tiện. Công an huyện B đã có Văn bản số 244/CQĐT ngày 11/12/2020 đề nghị Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương tra cứu tàng thư xe vật chứng đối với phương tiện nêu trên. Đồng thời, Công an huyện B đã có Văn bản số 215/CQĐT ngày 11/12/2020 đề nghị Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương tra cứu, cung cấp thông tin đăng ký, đăng kiểm

cấp giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện nêu trên. Ngày 06/01/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương có Văn bản số 56/SGTVT-VTPTNL xác định phương tiện nêu trên không có đăng ký tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương.

d) Kết quả xử lý vụ việc khai thác khoáng sản

- Ngày 12/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B ban hành Kết luận xác minh nguồn tin về tội phạm đối với vụ vi phạm quy định về thăm dò, khai thác tài nguyên, xảy ra ngày 13/8/2020 tại xã T1, huyện B, tỉnh Bình Dương:

+ Hành vi khai thác khoáng sản mà không có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nêu trên của Công ty M chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm Vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên được quy định tại Điều 227 Bộ luật Hình sự. Cơ quan CSĐT công an huyện B ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 01 ngày 12/01/2021 theo khoản 2 Điều 157 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Mặc dù hành vi trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng kết quả điều tra xác minh xác định Công ty M đã có 03 hành vi vi phạm pháp luật hành chính như sau:

Hành vi thứ nhất: Vi phạm về khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 50 m³ trở lên (685,58m³), quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ.

Hành vi thứ hai: Bán, vận chuyển, tàng trữ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp trong trường hợp hàng hóa vi phạm có giá trị từ 100.000.000 đồng trở lên (trong đó: 4.347,87m³ đất san lấp đã vận chuyển, bán có giá trị 273.905.810 đồng và 542,91m³ đất san lấp được tàng trữ tại vị trí khai thác có giá trị 34.202.330 đồng), quy định tại khoản 12 Điều 21 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19/11/2015 của Chính phủ (căn cứ Điều 90 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng).

Hành vi thứ ba: Công ty M có dấu hiệu của hành vi trốn thuế đối với khối lượng 4.337,87m³ đất san lấp đã được vận chuyển đi bán.

Sau khi Viện kiểm sát nhân dân huyện B có văn bản kiểm sát Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã chuyển hồ sơ vụ việc cho Công an huyện B xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

- Ngày 01/02/2021, Công an huyện B có Tờ trình số 21/TTr-CAH(KT) đề xuất UBND huyện B lập tờ trình tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty M.

- Ngày 18/02/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 485/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty M.

2. Về việc ban hành Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH ngày 08/10/2020 của Trưởng Công an huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu:

Căn cứ kết quả xác minh, kết quả đối thoại giữa Công an huyện và ông Đỗ Hoài Phương M, ngày 08/10/2020, Công an huyện đã ban hành Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông M, nội dung: Khiếu nại của ông M đúng 1 phần. Lý do: Do sai sót của cán bộ Công an huyện trong việc ghi hồ sơ; tuy nhiên công an huyện có mời ông M lên làm việc để giải thích và đính chính lại ngày ban hành các quyết định ngày 13/8/2020; sau đó ông M đã đồng ý và nhận các quyết định đính chính này.

Nhìn chung, việc giải quyết khiếu nại của ông M đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 5, 6, 7, 8 Thông tư số 11/2015/TT-BCA của Bộ Công an ngày 02/3/2015; Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 9, khoản 2 Điều 10 Thông tư số 68/2013/TT-BCA ngày 26/12/2013 của Bộ Công an.

Tuy nhiên, trong việc giải quyết khiếu nại, Công an huyện B còn một số thiếu sót như: Thủ tục, quy trình, kết luận giải quyết khiếu nại chưa cụ thể, các quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện trong vụ việc căn cứ không đúng tình tiết vụ việc; căn cứ trả tang vật chưa đúng căn cứ tạm giữ. Vấn đề này đã được Công an huyện B khắc phục tại Báo cáo số 30/BC-CAH-TH ngày 08/02/2021 về kết quả khắc phục những hạn chế, thiếu sót và tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với Công ty M.

3. Về việc ban hành văn bản số 1178/CAH ngày 12/11/2020 của Công an huyện B để trả lời đơn của Công ty M:

Qua xem xét đơn đề ngày 04/11/2020, Công an huyện B nhận thấy: Ba nội dung đầu được Công ty M trình bày trùng lặp với nội dung đơn khiếu nại đề ngày 19/8/2020 và đã được giải quyết tại Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH. Đồng thời, Giám đốc Công an tỉnh cũng đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-CAT-PC05 ngày 06/11/2020 về việc xác minh nội dung đơn khiếu nại lần 2.

Do đó, Công an huyện thấy còn lại nội dung yêu cầu trả lại phương tiện đã tạm giữ ngày 13/8/2020 là chưa được giải quyết. Do đó, Công an huyện B đã ban hành văn bản số 1178/CAH ngày 12/11/2020 của Công an huyện B để trả lời đơn của Công ty M.

** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T trình bày:*

Nguồn gốc của diện tích đất 120.941m² nằm trong Cụm công nghiệp T1 do Công ty T nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Ngọc V (ông V đã được cấp Giấy chứng nhận ngày 26/9/2005). Công ty T đã được cập nhật chủ sử dụng đất ngày 01/10/2010 theo Giấy chứng nhận số: AD 027524, số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H 00085. Công ty T đã cắm ranh đất và quản lý, sử dụng liên tục từ ngày nhận chuyển

nhượng cho đến nay.

Công ty M do ông Đỗ Hoài Phương M làm Giám đốc biết rõ là đất thuộc quyền sử dụng của Công ty T nhưng vẫn cố tình thực hiện việc trộm, khai thác đất một cách bất hợp pháp và lôi kéo những người không liên quan, không có bất cứ quyền nào đối với diện tích nêu trên để cản trở Công ty T thực hiện quyền sử dụng đất hợp pháp của mình. Ngay khi phát hiện sự việc, Công ty đã cử bảo vệ canh gác, gắn camera quan sát nhưng liên tục bị những người này hăm dọa, đập phá camera và các thùng container của Công ty T đặt tại Cụm công nghiệp T1. Khi Công ty T thực hiện thi công bốc dỡ, san lấp, làm đường nội khu trong Cụm công nghiệp T1 cũng đã nhiều lần bị ông Huỳnh Văn B, ông Lê Công T cùng một số người không rõ danh tính dùng hung khí cản trở, không cho thi công. Công ty T cũng đã làm rất nhiều đơn thư trình báo, kêu cứu, tố giác, ... gửi rất nhiều cơ quan chức năng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty M trong vụ án này, Công ty T đề nghị Toà án không chấp nhận.

** Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hồng X trình bày:*

Diện tích khoảng 20.000m² đất tại ấp 4 (nay là ấp X) xã T1, huyện T do cha mẹ ông X tạo lập từ trước năm 1975. Từ năm 1976 cha mẹ ông X giao lại cho ông X quản lý, sử dụng cho đến nay. Phần đất này khi chưa chia tách huyện thì theo UBND huyện T là thuộc thửa đất số 212 tờ bản đồ số 08 xã T1, huyện T. Khi đất vẫn do gia đình ông X đã và đang sử dụng nhưng chưa có quyết định thu hồi thì gia đình ông X vẫn tiếp tục được sử dụng. Đất do gia đình ông X sử dụng đến nay đã trên 50 năm; ông X sử dụng đất để trồng điều, trà mà không biết đó là khoáng sản. Thửa đất có địa hình cao và không bằng phẳng nên khó khăn trong việc sử dụng đất, cây trồng luôn trong tình trạng khô hạn nên ông X có nhờ Công ty M cải tạo diện tích đất trên bằng việc hạ thấp mặt bằng, hạn chế việc khô hạn của phần đất này, khi đất dư ra thì vận chuyển đi nơi khác.

Phần đất trên không phải là “khu vực khoáng sản” vì chưa được điều tra cơ bản về đại chất khoáng sản và cũng chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố. Tuy nhiên Công an huyện B lại cho rằng việc ông X cải tạo đất nông nghiệp để trồng cây thành “khai thác khoáng sản” là không đúng.

Mặc dù đất vẫn do ông X, gia đình bà Nguyễn Thị Xuân Th, ông Lê Công T đã và đang sử dụng và chưa có quyết định thu hồi đất, tuy nhiên ngày 31/01/1997, UBND huyện T lại ban hành Quyết định số 117/QĐ-UB giao 121.620m² đất cho bà Huỳnh Thị Thanh K, trú tại phường T3, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong diện tích 121.620m² đất này bao gồm cả 02 phần đất do 03 gia đình vẫn đang sử dụng.

Ngày 27/12/2004, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2682/2004/QĐ-UB thu hồi 121.620m² đất nêu trên vì bà Huỳnh Thị Thanh K vi phạm Điều 38 Luật Đất đai năm 2003.

Ngày 02/6/2005, UBND huyện T lại tiếp tục ban hành Quyết định số 896/2004/QĐ-UB giao 121.941m² đất cho ông Huỳnh Ngọc V (trú tại ấp 3 xã P, huyện C, tỉnh Long An). Trong diện tích 121.941m² đất này bao gồm cả phần đất do 03 gia đình trên vẫn đang sử dụng.

Đến ngày 26/9/2005, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00085 đối với diện tích 121.941m² cho ông Huỳnh Ngọc V vượt hạn mức quy định (12,1941ha), khi đang có tranh chấp là không đúng quy định pháp luật.

Nay ông Đoàn Hồng X hoàn toàn đồng ý với các lý do và yêu cầu khởi kiện của Công ty M; đề nghị Tòa án tuyên hủy 02 Quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 896/2004/QĐ-UB ngày 02/06/2005 của UBND huyện T giao đất cho ông Huỳnh Ngọc V (trú tại ấp 3 xã P, huyện C, tỉnh Long An).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 027524 ngày 01/10/2010 của Công ty TNHH T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Công T, bà Nguyễn Thị Xuân Th trình bày: Có cùng ý kiến với ông Đoàn Hồng X.*

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc V trình bày:*

Ngày 26/9/2005, ông Huỳnh Ngọc V được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 027524, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 00085 đối với phần đất diện tích 120.941m² thuộc thửa đất số 212, 213 tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại Ấp 4, xã T1, huyện T (nay là ấp X, xã T1, huyện B). Ngày 04/01/2007, ông Huỳnh Ngọc V đã chuyển nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất nêu trên cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T. Sau khi nhận chuyển nhượng, ngày 01/10/2010, ông V đã bàn giao toàn bộ các giấy tờ liên quan đến khu đất nêu trên cho Công ty TNHH T toàn quyền làm thủ tục sang tên theo quy định.

Như vậy, hợp đồng chuyển nhượng đã thực hiện xong, các bên đã thực hiện xong quyền và nghĩa vụ, do đó ông Huỳnh Ngọc V không còn liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho Công ty TNHH T.

Đối với, yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV M, do ông Huỳnh Ngọc V đã không còn liên quan đến phần đất này nên không có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 12 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ các Điều 6, 30, 32, 115, 116; khoản 1 Điều 158; Điều 168; Điều 164; Điều 168; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1, 6 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên M đối với các yêu cầu:

- Hủy Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 của Trưởng Công an huyện B.

- Hủy Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH ngày 08/10/2020 của Trưởng Công an huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 36/QĐ-CAT-PC05 ngày 24/12/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại (lần hai);

- Tuyên bố hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương đối với đơn khiếu nại (lần 2) của Công ty TNHH Một thành viên M là trái pháp luật;

- Tuyên bố hành vi tạm giữ xe cần cẩu (còn gọi là máy đào) bánh xích của Công an huyện B ngày 13/8/2020 là trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 1178/CAH ngày 12/11/2020 của Công an huyện B về việc trả lời đơn của Công ty TNHH MTV M.

- Buộc Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương và Công an huyện B liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV M do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra với số tiền 630.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02/12/2022, người khởi kiện Công ty TNHH MTV M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV M là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Công ty TNHH MTV M, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH MTV M làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, sự việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Công ty M được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ 00 ngày 13/8/2020, Tổ tuần tra Công an huyện B phát hiện, tiến hành kiểm tra, bắt quả tang việc Công ty TNHH MTV M thuê một số tài xế xe máy đào thực hiện việc khai thác đất tăng phủ trái phép và vận chuyển đi nơi khác để tiêu thụ. Khi lực lượng chức năng bắt quả tang thì tài xế xe máy đào bỏ trốn; các đối tượng gồm Lương Tấn T1, Đoàn Lê Thanh T và Kim T điều khiển xe ô tô tải không chấp hành hiệu lệnh dừng xe, tông thẳng vào Tổ công tác của Công an huyện B nhằm tẩu thoát. Lực lượng tuần tra của Công an huyện B đã khống chế bắt giữ các đối tượng và lập Biên bản tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45/QĐ-TGTVPTGPCC, số 47/BB-TGTVPTGPCC, số 48/BB-TGTVPTGPCC, số 49/BB-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020. Cùng ngày, Trưởng Công an huyện B đã ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45/QĐ-TGTVPTGPCC, 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC.

Căn cứ báo cáo kết quả khảo sát địa hình của Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam xác định vị trí khai thác đất thuộc thửa 212, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T1, huyện B; khối lượng đã khai thác là 5.576,37m³. Phần diện tích đất này đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH T.

Quá trình xác minh để giải quyết khiếu nại, ông Đoàn Lê Thanh T, Kim T, Nguyễn Thanh Tỉnh, Nguyễn Thành Th thống nhất trình bày ngày 13/8/2020, ông Đỗ Hoài Phương M là giám đốc Công ty M chỉ đạo ông Nguyễn Thành Th điều khiển xe máy đào khai thác đất đổ lên xe ô tô tải ben của Công ty M do ông T, ông T1, ông T2 và ông T3 vận chuyển đến đổ tại bến thủy nội địa của Công ty TNHH vận tải TP, xuất bán cho các sà lan.

Công ty M thừa nhận việc thuê nhân công và phương tiện thực hiện hành vi khai thác đất như đã nêu trên nhưng cho rằng phần đất khai thác do bà Nguyễn Thị Xuân Th và ông Đoàn Hồng X là chủ sử dụng; nhờ Công ty M cải tạo đất đồi, hạ thấp mặt bằng; bà Th và ông X cho Công ty M vận chuyển đất ra ngoài bán,

ngược lại bà Th và ông X không phải trả tiền cải tạo thửa đất trên cho Công ty M. Đồng thời cho rằng phần diện tích đất trên không phải là đất khoáng sản nên việc tạm giữ phương tiện, tang vật và giải quyết khiếu nại của Trưởng Công an huyện B, Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương là trái pháp luật.

[2.2] Xét thấy, thửa đất số 212, tờ bản đồ số 8, ấp X, xã T1, huyện B thuộc quyền sử dụng của Công ty TNHH T, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND huyện B cấp. Bà Nguyễn Thị Xuân Th và ông Đoàn Hồng X cho rằng đất có nguồn gốc do cha mẹ bà Th, ông X để lại, thuộc quyền sử dụng của bà Th, ông X nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh; bà Th, ông X cũng không được cơ quan có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đối với thửa đất số 212. Trường hợp bà Th, ông X có tranh chấp với Công ty T thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu giải quyết hoặc khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu xem xét lại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty T. Hiện nay, về mặt pháp lý thửa đất số 212 vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty T nên việc Công ty M cho rằng bà Th, ông X là chủ sử dụng đất hợp pháp, được quyền thuê Công ty M cải tạo đất là không phù hợp với quy định pháp luật.

Chủ sử dụng đất Công ty T không thuê Công ty khai thác, vận chuyển khoáng sản và Công ty M cũng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép khai thác khoáng sản đối với phần đất này nhưng đã tiến hành hành vi khai thác khoáng sản là trái quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ. Hành vi bán, vận chuyển khoáng sản của Công ty M vi phạm quy định tại khoản 12 Điều 21 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11/2013 của Chính phủ (nay là khoản 11 Điều 17 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020).

[2.3] Đối với Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề:

Do Công ty M có hành vi vi phạm như đã nêu trên nên ngày 13/8/2020. Trưởng Công an huyện B ban hành Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45/QĐ-TGTVPTGPCC, 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 để xác minh tình tiết; trên cơ sở đó xác định có căn cứ hay không có căn cứ xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tại các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45, 47, 48, 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 Trưởng Công an huyện B đã ghi lý do tạm giữ: “*đảm bảo thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính*” là chưa phù hợp với tình tiết của vụ việc vi phạm. Tuy nhiên, vi phạm này không ảnh hưởng đến bản chất của sự việc; mặt khác ngày 06/01/2021, Trưởng Công an huyện B đã ban hành Quyết định số 01, 02, 03, 04/QĐ-SĐQĐTGTVPTGPCC sửa đổi, bổ sung các Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 45, 47, 48, 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 để khắc phục vi phạm trên.

[2.4] Đối với Quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính:

Ngày 13/8/2020, Trưởng Công an huyện B ban hành Quyết định số 45, 47, 48, 49/QĐ-TGTVPTGPCC quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính, thời hạn tạm giữ là 07 ngày, kể từ ngày 13/8/2020 đến hết ngày 19/8/2020. Ngày 19/8/2020, Trưởng Công an huyện B ban hành Quyết định số 45, 47, 48, 49/QĐ-KDTGTVPTGPCC quyết định kéo dài thời hạn tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính, thời hạn kéo dài kể từ ngày 19/8/2020 đến ngày 12/9/2020, là không phù hợp quy định tại khoản 8 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính; tuy nhiên việc sai sót này không làm thay đổi nội dung vi phạm. Ngày 06/01/2021, Trưởng Công an huyện B cũng đã ban hành Quyết định số 05, 06, 07, 08/QĐ-SĐQĐKDTHTG để sửa đổi, bổ sung Quyết định số 45, 47, 48, 49/QĐ-KDTGTVPTGPCC ngày 19/8/2020, với nội dung sửa đổi như sau: “Thời hạn kéo dài tại Điều 1: “kể từ ngày 19/8/2020 đến ngày 12/9/2020” sửa thành “kể từ ngày 20/8/2020 đến ngày 13/9/2020”.

[2.5] Đối với Quyết định số giải quyết khiếu nại của Trưởng Công an huyện B và Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương:

Sau khi Công ty M có đơn khiếu nại, Công an huyện B đã trưng cầu đơn vị có chức năng đo đạc, khảo sát xác định diện tích, thửa đất, khối lượng khoáng sản khai thác, lấy lời khai của những người liên quan để xác minh lại sự việc. Nội dung xác minh đã thể hiện Công ty M có hành vi vi phạm như đã nêu tại mục [2.2]. Trên cơ sở đó, Trưởng Công an huyện B ban hành Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH ngày 08/12/2020 bác khiếu nại của Công ty M đối với các quyết định tạm giữ phương tiện là đúng quy định pháp luật. Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định số 36/QĐ-CAT-PC05 ngày 24/12/2020 về việc giải quyết khiếu nại (lần 2), nội dung bác khiếu nại của Công ty M đối với Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.6] Đối với hành vi tạm giữ xe máy đào bánh xích hiệu Hyundai Rolex 2900LC-3, số khung E904HC11430, số máy D6AVW022719: Quá trình giải quyết, Công ty M không cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc xe. Ngày 01/12/2020, Công an huyện B có Văn bản số 370/CQĐT thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng không có cá nhân, tổ chức nào xác nhận là chủ sở hữu phương tiện. Công an huyện B đã có Văn bản số 244/CQĐT ngày 11/12/2020 đề nghị Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Bình Dương tra cứu tàng thư xe vật chứng đối với phương tiện nêu trên. Đồng thời, Công an huyện B đã có Văn bản số 215/CQĐT ngày 11/12/2020 đề nghị Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương tra cứu, cung cấp thông tin đăng ký, đăng kiểm cấp giấy chứng nhận về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện nêu trên. Ngày 06/01/2021, Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương có Văn bản số 56/SGTVT-VTPTNL xác định phương tiện nêu trên không có đăng ký tại Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Dương. Do đó, Công an huyện B tạm giữ xe máy đào bánh xích hiệu Hyundai Rolex 2900LC-3, số khung E904HC11430, số máy D6AVW022719 là đúng quy định pháp luật. Việc Công

an huyện B ban hành Văn bản số 1178/CAH ngày 12/11/2020 là có căn cứ.

[2.7] Từ phân tích tại mục [2.2] đến [2.6] thấy rằng quyết định hành chính, hành vi hành chính của Công an huyện B, của Trưởng Công an huyện B và của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương đúng quy định pháp luật, nên yêu cầu bồi thường của công ty M đối với số tiền 630.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận.

[3] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên M; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty TNHH Một thành viên M phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Một thành viên M. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2022/HC-ST ngày 12/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Tuyên xử:

1/. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên M về việc:

- Hủy Quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính số 47/QĐ-TGTVPTGPCC, số 48/QĐ-TGTVPTGPCC, số 49/QĐ-TGTVPTGPCC ngày 13/8/2020 của Trưởng Công an huyện B.

- Hủy Quyết định số 129/QĐ-CAH-TH ngày 08/10/2020 của Trưởng Công an huyện B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu.

- Hủy Quyết định số 36/QĐ-CAT-PC05 ngày 24/12/2020 của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương về việc giải quyết khiếu nại (lần hai);

- Tuyên bố hành vi hành chính không thụ lý, giải quyết đơn khiếu nại của Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương đối với đơn khiếu nại (lần 2) của Công ty TNHH Một thành viên M là trái pháp luật;

- Tuyên bố hành vi tạm giữ xe cần cẩu (còn gọi là máy đào) bánh xích của Công an huyện B ngày 13/8/2020 là trái pháp luật.

- Hủy Văn bản số 1178/CAH ngày 12/11/2020 của Công an huyện B về

việc trả lời đơn của Công ty TNHH MTV M.

- Buộc Giám đốc Công an tỉnh Bình Dương và Công an huyện B liên đới bồi thường cho Công ty TNHH MTV M do quyết định hành chính, hành vi hành chính gây ra với số tiền 630.000.000 đồng.

2/. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Án phí hành chính phúc thẩm: Công ty TNHH MTV M phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000334 ngày 02/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương vào phần án phí phải chịu.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương
- ĐS (10);
- Lưu VP (3), HS (2).20b.TTPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thanh Dũng